

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: 660 /VKNQG-ĐBCL

v/v: giới thiệu hoạt động tổ chức các
chương trình thử nghiệm thành thạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Quý khách hàng

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia (sau đây gọi là Viện) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 23/03/2009 của Thủ tướng Chính phủ, là phòng thí nghiệm kiểm chứng trong lĩnh vực kiểm nghiệm thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Y tế và Bộ Công thương.

Thử nghiệm thành thạo là công cụ quan trọng để các tổ chức công nhận, các cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng đánh giá được năng lực kỹ thuật của các phòng thí nghiệm, đồng thời cũng giúp các phòng thí nghiệm kiểm soát và chứng minh năng lực kỹ thuật đối với các bên quan tâm.

Viện thường xuyên tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo từ năm 2010. Viện đã được công nhận năng lực tổ chức thử nghiệm thành thạo phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17043:2010 bởi Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Hoa kỳ (American Association for Laboratory Accreditation - A2LA) với Chứng nhận số 4254.01 ngày 15/5/2017.

Viện tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo lĩnh vực Hóa lý và Vi sinh trong các nền mẫu thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm chức năng), nước, thức ăn chăn nuôi và bao bì thực phẩm.

Xin gửi kèm theo kế hoạch tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo năm 2021. Quý khách hàng quan tâm đến các dịch vụ thử nghiệm thành thạo của Viện, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ dưới đây:

Liên hệ 1: ThS. Đặng Hữu Cường

Hotline: 19001065 (phím 3). Điện thoại : 024.3933 1773/024.971 4512

Email: thietlapchatchuan@gmail.com

Liên hệ 2: Trung tâm Dịch vụ khoa học kỹ thuật

Địa chỉ: 65 Phạm Thận Duật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 19001065 (phím 0). Email: ttdv2011@gmail.com

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- PVT. Trần Cao Sơn (để biết);
- Lưu: VT, ĐBCL.



VIỆN TRƯỞNG

Lê Thị Hồng Hảo

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH TNTT 2021
(Kế hoạch kèm theo Công văn số: 660/VKNQG-ĐBCL ngày 11/12/2020)

STT/ No.	Nền mẫu/ Sample matrix	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Test parameter	Thời gian thực hiện/ Implement time	Phí tham gia/ Participation fee	Ghi chú/ Remark
1	Nước				
1.1	Nước	Hóa lý: Độ cứng, Tổng chất rắn hòa tan, Permanganat, pH	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
1.2	Nước	Cu, Fe, Zn, Mn, Mg, Ca, Na, K, Ba	Tháng 4 - 5/2021	2,500,000/4 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 5 thu 200,000/chỉ tiêu	
1.3	Nước	Ion: Cl-, F-, Br-, NO3-, NO2-, SO42-, NH4+	Tháng 4 - 5/2021	2,500,000/4 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 5 thu 200,000/chỉ tiêu	
1.4	Nước	Pb, Cd, As, Hg, Sn, Sb, Ni, Mo, B	Tháng 6 - 7/2021	2,500,000/4 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 5 thu 200,000/chỉ tiêu	
1.5	Nước	HCBVTV Nhóm Clo hữu cơ: Aldrin; alpha BHC; beta BHC; delta BHC; gamma BHC; Chlordane (cis); Chlordane (trans); DDD (2,4'); DDD (4,4'); DDE (2,4'); DDE (4,4'); DDT (2,4'); DDT (4,4'); Dicofol; Dieldrin; Endosulfan; Endosulfan-sulphate; Endrin; Heptachlor; Heptachlor epoxide; Hexachlorobenzene; Isodrin; Methoxychlor; Quintozene;	Tháng 10 - 11/2021	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu Tất cả các chỉ tiêu thu 7,000,000	
2	Thực phẩm bổ sung/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe/ thực phẩm chức năng				
2.1	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Vitamin nhóm B: B1, B2, B3, B6	Tháng 6 - 7/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
2.2	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Vitamin A, C, D, E	Tháng 8 - 9/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu	
2.3	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Mg, Ca, Na, K, Se, Zn, Fe, Cu	Tháng 8 - 9/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu	

STT/ No.	Nền mẫu/ <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu thử nghiệm/ <i>Test parameter</i>	Thời gian thực hiện/ <i>Implement time</i>	Phí tham gia/ <i>Participation fee</i>	Ghi chú/ <i>Remark</i>
2.4	TPBVSK	Glucosamine	Tháng 10 - 11/2021	2,500,000	
2.5	TPBVSK	Silymarin	Tháng 10 - 11/2021	2,500,000	
2.6	TPBVSK	Curcumin	Tháng 2 - 3/2021	2,500,000	
2.7	TPBVSK	Lysine	Tháng 6 - 7/2021	2,500,000	
2.8	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Omega 3,6,9	Tháng 8 - 9/2021	3,000,000	
3	Bao bì thực phẩm				
3.1	Bao bì nhựa tiếp xúc thực phẩm	Pb, Cd	Tháng 2 - 3/2021	2,500,000	
3.2	Bao bì nhựa tiếp xúc thực phẩm	Thử thôi nhiễm cạn khô (dung dịch ngâm thôi: nước, ethanol 20 %, acid acetic 4 %, heptan)	Tháng 4 - 5/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4	Thực phẩm chung				
4.1	Sữa dạng lỏng	Chất khô, Protein, Lipid	Tháng 6 - 7/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.2	Thực phẩm (Ngũ cốc/ Bột dinh dưỡng)	Độ ẩm, Protein, Lipid, Tro	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.3	Cà phê	Âm, Caffein, Chất tan trong nước, Tro không tan trong HCl	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.4	Rượu	Ethanol, Methanol, Aldehyde, Ester, Furfurol, Rượu bậc cao	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	

STT/ No.	Nền mẫu/ <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu thử nghiệm/ <i>Test parameter</i>	Thời gian thực hiện/ <i>Implement time</i>	Phí tham gia/ <i>Participation fee</i>	Ghi chú/ <i>Remark</i>
4.5	Đường	Độ Pol, (oZ), Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105oC trong 3 h, Độ màu, Tro sulfat	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.6	Nước mắm	pH, Nito tổng số, Nito acid amin, Nito focmon, Nito amoniac, NaCl, Ure, Độ acid	Tháng 4 - 5/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.7	Mật ong	Hàm lượng nước, Tổng hàm lượng Fructose và Glucose, Hàm lượng Sucrose, Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	Tháng 6 - 7/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.8	Thực phẩm	Chất tạo ngọt: Aspartam, Saccharin, cyclamat, Acesulfam kali	Tháng 8 - 9/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.9	Thực phẩm	Phẩm màu (Sunset, Tartrazine, Pounceu 4R)	Tháng 8 - 9/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.1	Thịt và sản phẩm thịt	Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine	Tháng 2 - 3/2021	2,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
4.11	Thịt và sản phẩm thịt	Chloramphenicol	Tháng 8 - 9/2021	2,500,000	
4.12	Thịt và sản phẩm thịt	Nhóm Tetracylin (Tetracylin, oxytetracyclin, clotetracyclin, docytetracyclin)	Tháng 10 - 11/2021	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 500,000/chỉ tiêu	
4.13	Thủy sản	Kháng sinh nhóm Quinolones và Fluoroquinolones trong thực phẩm (Enrofloxacin, Ciprofloxacin, danofloxacin, sarafloxacin, difloxacin, norfloxacin, ofloxacin	Tháng 10 - 11/2021	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
4.14	Thủy sản	Malachite green	Tháng 10 - 11/2021	3,000,000	
4.15	Thủy sản	Các chất chuyển hóa của Nitrofurantoin	Tháng 10 - 11/2021	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
4.16	Rau quả	HCBVTV Nhóm Carbamat: Aldicarb; Aldicarb sulfone; Aldicarb sulfoxide; Carbaryl; Carbofuran; Carbosulfan; Fenobucarb; Fenothiocarb; Isoprocab; Methiocarb; Methomyl; Molinate; Pirimicarb; Oxamyl; Propoxur; Terbutachlor;	Tháng 8 - 9/2021	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu Tất cả các chỉ tiêu thu 7,000,000	

STT/ No.	Nền mẫu/ <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu thử nghiệm/ <i>Test parameter</i>	Thời gian thực hiện/ <i>Implement time</i>	Phí tham gia/ <i>Participation fee</i>	Ghi chú/ <i>Remark</i>
5	Thức ăn chăn nuôi				
5.1	Thức ăn chăn nuôi	Độ ẩm, Protein, Lipid, Tro tổng, Ca, P	Tháng 2 - 3/2021	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu	
5.2	Thức ăn chăn nuôi/ Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Pb, Cd, As, Hg	Tháng 4 - 5/2021	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu	
6	Vi sinh thực phẩm/ thức ăn ăn nuôi				
6.1	Thức ăn chăn nuôi	<i>E. coli</i> , <i>Salmonella</i>	Tháng 4 - 5/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
6.2	Nước	<i>E. coli</i> , Coliforms, <i>Streptococci faecal</i> , <i>P. aureginosa</i>	Tháng 6 - 7/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
6.3	Thực phẩm	Tổng vi khuẩn hiếu khí, <i>E. coli</i> , Coliforms	Tháng 4 - 5/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
6.4	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Tổng số Nấm men - Nấm mốc, <i>B. cereus</i>	Tháng 6 - 7/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
6.5	Sữa và sản phẩm sữa	<i>L. monocytogen</i> , <i>Enterobacteria</i>	Tháng 8 - 9/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	
6.6	TPBS/ TPBVSK/TPCN	Tổng vi khuẩn hiếu khí, <i>E. coli</i> , Coliforms	Tháng 8 - 9/2021	2,000,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 500,000/chỉ tiêu	